

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/TCDS-ST
Ngày 28 - 01 - 2022
V/v tranh chấp về chia thừa kế
tài sản theo pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Quốc Tân

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phan Thị Tuyết và bà Nguyễn Thị Hải

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 24 đến ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXX - ST ngày 03 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 14/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1948; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: anh Đặng Văn Ch, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Đặng Thị X, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Đặng Thị X, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn 4, xã Tr, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Đặng Thị Hồng L, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Ch, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

+ Chị Đoàn Thị Hồng L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Trọng H - Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà và ông Đặng Quang V kết hôn với nhau vào năm 1970, sinh được 05 người con là Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th, Đặng Thị Hồng L và Đặng Văn Ch. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống ông bà đã tạo lập được 01 thửa đất số 232, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.850m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số P677789 ngày 18/10/1999 mang tên hộ ông Đặng Quang V trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 chưa hoàn thiện, ông bà cùng các con đã sống cùng nhau trên thửa đất và lần lượt các con đều lập gia đình và ra ở riêng còn vợ chồng ông bà cùng chung sống với anh Đặng Văn Ch. Ngày 16/11/2011 ông V chết, khi ông V chết không để lại di chúc. Nay bà yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất trên thành ½ cho bà, còn ½ của ông V thì chia thành 6 phần trong đó có bà, riêng ngôi nhà cấp 4 thì bà không yêu cầu giải quyết và đề nghị giao lại cho Đặng Văn Ch.

* Bị đơn anh Đặng Văn Ch trình bày: Bố mẹ anh là ông Đặng Quang V và bà Hoàng Thị L kết hôn năm 1970 có sinh ra 5 người con và có tạo lập 01 thửa đất số 232, tờ bản đồ số 8, diện tích là 1.850m² tại xã Hạch và 04 ngôi nhà cấp 4 chưa hoàn thiện như mẹ anh trình bày là đúng sự thật. Nhưng năm 1998 bố mẹ anh đã sống ly thân cho đến năm 2011 bố anh qua đời không để lại di chúc. Nay mẹ anh làm đơn khởi kiện yêu cầu chia ½ thửa đất là của mẹ anh và ½ thửa đất còn lại chia ra 6 phần, anh đồng ý chia ½ thửa đất cho mẹ anh, còn ½ thửa đất của bố anh, anh không đồng ý chia cho mẹ anh và 4 chị em gái. Vì do thời gian bố mẹ sống ly thân, bố anh sống cùng anh. Mặt khác, mẹ và các chị em gái anh không hề chăm sóc bố anh cho đến khi bố anh qua đời. Nay nguyện vọng của anh là được hưởng ½ thửa đất mà bố anh để lại, còn 01 ngôi nhà cấp 4 chưa hoàn thì tùy theo ý kiến của mẹ anh.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th và Đặng Thị Hồng L thống nhất trình bày: bố mẹ các chị là ông Đặng Quang V và bà Hoàng Thị L trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được 1 thửa đất số 232, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.850 m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên là hộ ông Đặng Quang V, tại thời điểm đó hộ ông Đặng Quang V có bố mẹ và các chị em, tuy nhiên tài sản đó là của bố mẹ các chị chứ các chị không có đóng góp gì. Năm 2011 bố các chị mất không để lại di chúc. Sau đó mẹ con các chị cùng ngôi lại để phân chia di sản thừa kế đối với phần đất mà bố các chị để lại nhưng em trai các chị là Đặng Văn Ch không đồng ý. Nay mẹ các chị làm đơn đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế đối với phần đất mà bố các chị để lại, các chị cũng đồng ý và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật. Các chị đề nghị được hưởng phần đất mà mình được hưởng từ di sản mà bố để lại. Riêng ngôi nhà cấp 4 các chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và có nguyện vọng giao lại cho Đặng Văn Ch sở hữu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Hồng L trình bày: Tòa giải quyết như thế nào thì tùy, chị không có ý kiến gì về phần tài sản liên quan đến quyền lợi của chị.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th và Đặng Thị Hồng L có yêu cầu và nguyện vọng. Theo đó, nguyên đơn bà Hoàng Thị L chỉ yêu cầu nhận một phần diện tích đất, cụ thể chiều ngang 15m, chiều dài 38,23m, tổng diện tích là 561,7m, trong đó, có 100m² đất ở, ngoài ra phần còn lại giao cho anh Ch hai bên không phải bồi thường lẫn nhau; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý giao lại phần tài sản mà các chị được hưởng cho anh Ch, không kèm theo điều kiện gì, anh Ch cũng đồng ý nhận, nhưng anh Ch không đồng ý là giao cho bà L 15m chiều ngang mà anh chỉ đồng ý 14m chiều ngang. Vì vậy, các đương sự không thỏa thuận được nội dung vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phan Trọng H trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu và nguyện vọng của nguyên đơn bà Hoàng Thị L.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản lập ngày 22/7/2021 thể hiện thửa đất số 232, tờ bản đồ số 8, diện tích là 1.850m² tại xã Hạch, quá trình sử dụng được đổi lại thành thửa 476, tờ bản đồ số 07, diện tích là 1.651,9m² nhưng qua xem xét, thẩm định thì diện tích đất còn lại thực tế là 1.553,3m². Các bên đương sự đều thống nhất giá trị quyền sử dụng đất theo giá mà UBND tỉnh Quảng Bình quy định, theo đó đất có vị trí 1, khu vực 1 nông thôn: đất ở có giá 118.000 đồng/m² x 200m² = 23.600.000 đồng; đất vườn có giá 22.000 đồng/m² x 1.353,3m² = 29.772.600 đồng, tổng giá trị của thửa đất là 53.372.600 đồng : 2 = 26.686.300 đồng. Vậy di sản của ông V được tính thành tiền là 26.686.300 đồng. Quá trình ở anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L đã hoàn thiện ngôi nhà cấp 4 và xây dựng các vật kiến trúc trên thửa đất như: chuồng bò có trị giá là 7.304.000 đồng; nhà để xe có trị giá 11.164.000 đồng; nhà chính có trị giá 239.580.000 đồng; nhà bếp có trị giá 16.187.000 đồng; mái che có trị giá 3.746.000 đồng; công trình phụ có trị giá 41.675.000 đồng; nhà vệ sinh có trị giá 2.391.000 đồng; sân bê tông có trị giá 13.481.000 đồng; hàng rào có trị giá 32.978.000 đồng; 02 trụ cổng chính có giá 827.000 đồng; 01 giếng nước có trị giá 4.680.000 đồng và mới trồng một vài cây huê, cam, chuối và cỏ.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, việc xác định tư cách tham gia của các đương sự có liên quan đầy đủ, đúng quy định. Có căn cứ để mở phiên tòa.

Từ những đánh giá nêu trên, Viện KSND huyện Bạch đề nghị HĐXX căn cứ: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 660 BLDS; Điều 166, 167, 179 và Điều 195 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình với tổng diện tích yêu cầu là 561,2m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 461,2m² đất nông nghiệp), có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 427, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 4 đến điểm 5 là 31,73m;

+ Phía Đông giáp thửa đất số 477, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 5 đến điểm 6 là 38,23m;

+ Phía Nam giáp đường giao thông liên thôn có chiều dài từ điểm 6 đến điểm 7 là 15m

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đặng Văn Ch, có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 4 là 38,18m;

Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm bồi thường số tiền 11.242.000 đồng là phần thiệt hại về giá trị tài sản đối với 01 nhà vệ sinh và 15m tường rào của anh Chuyên và chị L, buộc anh Ch và chị L phải tháo dỡ trên phần đất được chia cho bà L.

2. Công nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị L và những người liên quan là chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th, Đặng Thị Hồng L về việc giao lại toàn bộ các phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất thuộc di sản của ông Đặng Quang V để lại cho anh Đặng Văn Ch. Tổng số phần diện tích đất anh Đặng Văn Ch được hưởng theo pháp luật đối với phần di sản của ông V để lại và các phần còn lại của bà L và những người có quyền lợi liên quan tự nguyện cho là 992,1m² đất (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 892,1m² đất nông nghiệp), có giá trị thành tiền là 31.426.200 đồng, thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, tứ cận phần diện tích đất được hưởng cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 462 và 427, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 2 là 6,01m; từ điểm 2 đến điểm 3 là 5,21m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 19,17m;

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị L, có chiều dài từ điểm 4 đến điểm 7 là 38,18m;

+ Phía Nam giáp đường giao thông liên thôn có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 8 là 25,85m

+ Phía Tây giáp thửa đất số 501, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 8 đến điểm 1 là 33,55m;

Buộc anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L phải có trách nhiệm tháo dỡ phần diện tích 13,7m² của nhà phụ và phần diện tích nhà vệ sinh, 15m tường rào phía Nam (giáp đường giao thông nhựa) lấn chiếm trên phần diện tích đất được chia cho bà L, cũng như có trách nhiệm di dời hoặc phá bỏ số cây đã trồng trên phần diện tích đất đã giao cho bà L khi bà L có yêu cầu. Bà L không có nghĩa vụ thanh toán các chi phí tháo dỡ công trình và di dời cây trồng cho anh Ch, chị L.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn, những người có quyền lợi liên quan thỏa thuận tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi nên đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Đặng Văn Ch phải chịu 1.571.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Tuyên quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự quy định “...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Ông Đặng Quang V chết ngày 16/11/2011 tính đến ngày 06/5/2021 bà Hoàng Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông Đặng Quang V để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bạch. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bạch, tỉnh Quảng Bình.

Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Hồng L đã được Tòa án tổng đạt hợp L đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: ông Đặng Quang V mất vào ngày 16/11/2011, ông và bà Hoàng Thị L không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông V không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Cha mẹ ruột ông V đã chết. Ngoài tài sản trên thì không còn tài sản khác để chia thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Quang V còn sống tới thời điểm mở thừa kế là: bà Hoàng Thị L, các chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th, Đặng Thị Hồng L và anh Đặng Văn Ch.

[3] Về nguồn gốc tài sản: Theo các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 8, diện tích là 1.850m² tại xã Hạch, quá trình sử dụng được đổi lại thành thửa 476, tờ bản đồ số 07, diện tích là 1.651,9m² nhưng qua xem xét, thẩm định thì diện tích đất thực tế còn lại là 1.553,3m², có trị giá là 53.372.600 đồng do vợ chồng ông Đặng Quang V và bà Hoàng Thị L cùng tạo lập. Xét thấy diện tích 1.553,3m² đất là tài sản chung của vợ chồng bà L và

ông V đóng góp trong thời kỳ sống chung với nhau nên $\frac{1}{2}$ số tài sản trên ($1.553,3m^2 : 2 = 776,65m^2$) là kỹ phần thừa kế chưa được chia của ông V. Còn lại $\frac{1}{2}$ số tài sản trên là của bà L ($776,65m^2$). Do ông V không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự, diện tích $776,65m^2$ đất (trong đó có $100m^2$ đất ở) được chia theo pháp luật tương đương trị giá tài sản là 26.686.300 đồng

[4] Phân chia di sản thừa kế: $776,65m^2$ đất được chia đều cho 6 kỹ phần gồm: bà L và 05 người con của ông V, theo đó mỗi người được hưởng là $776,65m^2 : 6 = 129,44m^2$ đất, có trị giá là 4.447.000 đồng (trong đó có $16,66m^2$ đất ở trị giá 1.965.800 đồng và $112,78m^2$ đất vườn có trị giá 2.481.100 đồng). Tuy nhiên, bà Hoàng Thị L có nguyện vọng về phần di sản mà bà được hưởng từ ông V $129,44m^2$ đất bà không lấy mà giao lại cho anh Ch, còn về phần đất của bà là $776,65m^2$ thì bà chỉ lấy $561,2m^2$ đất (trong đó có $100m^2$ đất ở), còn lại $215,45m^2$ đất vườn (có giá trị $215,45m^2 \times 22.000$ đồng = 4.739.000 đồng) là giao cho anh Ch chị L để trừ đi phần tài sản của anh Ch chị L nằm trên phần đất của bà. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Xinh, chị Xanh, chị Thúy và chị Luân đều đồng ý giao lại toàn bộ kỹ phần thừa kế được hưởng từ ông V cho anh Đặng Văn Ch và anh Đặng Văn Ch cũng đồng ý nhận. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và không trái pháp luật nên cần công nhận. Như vậy, phần diện tích đất của anh Ch được hưởng là $776,65m^2 + 215,45m^2 = 992,1m^2$ đất (trong đó có $100m^2$ đất ở), có trị giá là 31.426.200 đồng. Phần diện tích đất còn lại của bà L là $561,2m^2$ (trong đó có $100m^2$ đất ở), có giá trị là 21.946.400 đồng nhưng trên phần đất này hiện anh Ch chị L đã xây dựng nhà phụ để nuôi lợn, gà; nhà vệ sinh, xây hàng rào và trồng một vài cây lâu năm cũng như cây ngắn ngày để phục vụ nhu cầu hàng ngày; cụ thể một phần diện tích ngôi nhà phụ nằm trên phần diện tích đất được chia cho bà L, có diện tích $13,7m^2$, kích thước cạnh phía nam dài 1,79m, phía bắc dài 1,63, phía đông và phía tây dài 8,0m (theo sơ đồ phân chia thừa kế), có trị giá 16.851.000 đồng, cần buộc anh Ch chị Lê phải tháo dỡ, khi tháo dỡ phần diện tích nhà phụ này thì có thể khắc phục lại, không ảnh hưởng nhiều đến kết cấu của toàn bộ nhà phụ nên anh Ch chị L vẫn còn sử dụng phần diện tích còn lại của nhà phụ để tiếp tục chăn nuôi lợn, gà nên không buộc bà L phải có trách nhiệm bồi thường phần này vì bà L hiện tuổi cao, sức yếu, không có thu nhập, mặt khác bà đã nhường một phần tài sản mà bà được hưởng cho gia đình anh Ch nếu buộc bà L phải bồi thường phần này thì quá thiệt thòi cho bà L; còn một phần diện tích nhà vệ sinh nằm trên phần đất của bà L nhưng khi tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ nhà vệ sinh mà không thể khắc phục được nên buộc bà L phải bồi thường toàn bộ nhà vệ sinh có trị giá 2.391.000 đồng; 15 mét tường rào (tính từ điểm 6 đến điểm 7 theo sơ đồ phân chia thừa kế) nằm trên đất của bà L có trị giá 13.590.000 đồng, khi tháo dỡ không thể khắc phục lại được nên cần buộc bà L phải bồi thường toàn bộ; riêng một vài cây trồng lâu năm và ngắn ngày được trồng trên phần diện tích đất được chia cho bà L thì buộc anh Ch chị L phải có trách nhiệm di dời hoặc phá bỏ mà bà L không phải đền bù. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bà L phải đền bù khi tháo dỡ các vật kiến trúc mà anh Ch chị L đã xây dựng trên phần đất được giao cho bà L là 15.981.000 đồng nhưng được trừ đi

số tiền 4739.000 đồng mà bà L đã giao đất cho anh Ch chị L. Như vậy bà L phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Ch chị L số tiền 11.242.000 đồng;

Anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình kiến trúc đã xây dựng và số cây đã trồng trên phần đất đã được giao cho bà L. Bà L không có nghĩa vụ thanh toán các chi phí tháo dỡ công trình và đi dời cây trồng cho anh Ch, chị L.

[5] Từ những phân tích xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Hoàng Thị L và những người có quyền lợi liên quan là chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th, Đặng Thị Hồng L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Bà L và chị Xanh, chị Xinh, chị Thúy và chị Luân đã nộp đủ chi phí trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Bà Hoàng Thị L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đặng Văn Ch phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận là $31.426.200 \text{ đồng} \times 5\% = 1.571.000 \text{ đồng}$.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 khoản 5 Điều 147, khoản Điều 157; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 166, 167, 179 và Điều 195 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 điều 12; khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

1.2. Công nhận sự tự nguyện giao lại phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị L và những người liên quan là chị Đặng Thị X, Đặng Thị X, Đặng Thị Th, Đặng Thị Hồng L cho anh Đặng Văn Ch.

* Chia cho bà Hoàng Thị L được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 561,2m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 461,2m² đất nông nghiệp), giá trị thành tiền là 21.946.400 đồng, thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 427, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 4 đến điểm 5 là 31,73m;

+ Phía Đông giáp thửa đất số 477, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 5 đến điểm 6 là 38,23m;

+ Phía Nam giáp đường giao thông liên thôn có chiều dài từ điểm 6 đến điểm 7 là 15m

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho anh Đặng Văn Ch, có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 4 là 38,18m;

Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm bồi thường số tiền 11.242.000 đồng cho anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L

* Anh Đặng Văn Ch được hưởng 992,1m² đất (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 892,1m² đất nông nghiệp) giá trị thành tiền là 31.426.200 đồng, thuộc thửa đất số 476, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình có tứ cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 462 và 427, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 1 đến điểm 2 là 6,01m; từ điểm 2 đến điểm 3 là 5,21m; từ điểm 3 đến điểm 4 là 19,17m;

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Hoàng Thị L, có chiều dài từ điểm 4 đến điểm 7 là 38,18m;

+ Phía Nam giáp đường giao thông liên thôn có chiều dài từ điểm 7 đến điểm 8 là 25,85m

+ Phía Tây giáp thửa đất số 501, tờ bản đồ số 7, có chiều dài từ điểm 8 đến điểm 1 là 33,55m;

Buộc anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L phải có trách nhiệm tháo dỡ phần diện tích 13,7m², kích thước cạnh phía nam dài 1,79m, phía bắc dài 1,63, phía đông và phía tây dài 8,0m (theo sơ đồ phân chia thửa kế) của nhà phụ; tháo dỡ 01 nhà vệ sinh, 15m tường rào (tính từ điểm 6 đến điểm 7 theo sơ đồ phân chia thửa kế) cũng như có trách nhiệm di dời hoặc phá bỏ số cây đã trồng trên phần diện tích đất đã giao cho bà Hoàng Thị L. Bà Hoàng Thị L không có nghĩa vụ thanh toán các chi phí tháo dỡ công trình và di dời cây trồng cho anh Đặng Văn Ch và chị Đoàn Thị Hồng L.

Bà Hoàng Thị L, anh Đặng Văn Ch có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 476, tờ bản đồ số 7, có diện tích là 1.553,3 m² tọa lạc tại thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình để làm các thủ tục công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án hiệu lực pháp luật, bị đơn anh Đặng Văn Ch và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Hồng L tháo dỡ các vật kiến trúc đã xây dựng, di dời, phá bỏ các cây đã trồng trên phần đất được giao cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L nếu nguyên đơn bà Hoàng Thị L chậm thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hoàng Thị L thuộc trường hợp người cao

tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Đặng Văn Ch phải chịu 1.571.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Hồng L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Kèm theo Bản án này là trích sao kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 01/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bạch, tỉnh Quảng Bình và Sơ đồ phân chia thửa kế).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bạch;
- Chi cục THADS huyện Bạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Quốc Tân